UBND XÃ THẠCH XUÂN
**VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 016 /TB-VP

*Thạch Xuân, ngày 06 tháng 4 năm 2026*

# THÔNG BÁO
## Báo cáo Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 03 tháng năm 2026

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026/ của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho Văn phòng HĐND và UBND xã;

Văn phòng HĐND và UBND xã thông báo báo cáo hình hình thực hiện dự toán ngân sách 03 tháng năm 2026 như sau:

**Tình hình thực hiện chi ngân sách 03 tháng năm 2026**

Tổng chi: 10.492.435.748 đồng/Dự toán 41.274.471.000đ/25,42%

*Trong đó:*

- *Chi kinh phí giao thực hiện chế độn tự chủ: 3.100.653.417 đồng*
- *Chi kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ:7.391.782.331 đồng*

*Cụ thể:*

+ Chi Quản lý hành chính: 3.261.873.417đ/Dự toán 11.379.093.000/28,67%.

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 330.358.300đ/Dự toán 2.592.000.000đ/12,75%.

+ Chi Đảm bảo xã hội: 6.711.650.660đ/Dự toán 21.912.378.000đ/30,63%

+ Chi hoạt động kinh tế: 1.263.971đ/2.041.000.000đ/0,06%

+ Chi Sự nghiệp bảo vệ môi trường: 85.739.200đ/900.000.000đ/9,53%

+ Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin: 28.450.200đ/250.000.000đ/11,38%

+ Chi An ninh và trật tự ATXH: 73.100.000đ/333.000.000đ/21,95%

Chi ngân sách 03 tháng năm 2026 chủ yếu chi về các chế độ như Lương, phụ cấp Cán bộ, và các chế độ cho các đối tượng và các hoạt động của các phòng, đơn

vị. Đơn vị thực hiện tốt chế độ tự chủ chi phúc lợi cho CBCC, Viên chức và người lao động.

Trên đây là thông báo cáo báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 03 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân.

*(Chi tiết theo biểu số 75 đính kèm)*

**Nơi nhận**:
*-Hồ sơ công việc;*
*-Trang thông tin xã;*
*-Lưu VT, KT.*

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
X. THẠCH XUÂN T. HÀ TĨNH

**Trần Thị Thu Trang**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
## Số liệu thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân. Chúng tôi gồm có:

**I. ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ THẠCH XUÂN:**

1. Bà: Trần Thị Thu Trang - Chức vụ: Chánh Văn phòng

2. Bà: Nguyễn Thị Hải Bình - Chức vụ: Phụ trách Kế toán

**NỘI DUNG**

Tiến hành niêm yết công khai Số liệu thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân.

Thời gian niêm yết: Bắt đầu vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân và trên Trang thông tin điện tử của Xã Thạch Xuân.

Thời gian kết thúc niêm yết: 30 ngày, từ ngày 06/4/2026 đến ngày 06 tháng 5 năm 2026.

Biên bản này được lập thành 01 bản

**CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN**

| CHÁNH VĂN PHÒNG | PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN |
|---|---|
| Trần Thị Thu Trang | Nguyễn Thị Hải Bình |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NIÊM YẾT KẾT THÚC
## Số liệu thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân. Chúng tôi gồm có:

**I. ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ THẠCH XUÂN:**

1. Bà: Trần Thị Thu Trang - Chức vụ: Chánh Văn phòng
2. Bà: Nguyễn Thị Hải Bình - Chức vụ: Phụ trách Kế toán

**NỘI DUNG**

Kết thúc niêm yết Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Thời gian niêm yết: Đã đủ 30 ngày, từ ngày 06/4/2026 đến ngày 06/5/2026.

Biên bản này được lập thành 01 bản

**CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN**

| CHÁNH VĂN PHÒNG | PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN |
|---|---|
| CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ★ VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN ★ X. THẠCH XUÂN - T. HÀ TĨNH | |
| **Trần Thị Thu Trang** | **Nguyễn Thị Hải Bình** |

Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

**Mẫu biểu số 75**

Chương: 830

# CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (03 THÁNG)

**Quý I năm 2026**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2026 như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **A** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **I** | **Số thu phí, lệ phí** | | | | |
| **1** | **Lệ phí** | | | | |
| **2** | **Phí** | | | | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được để lại** | | | | |
| **1** | **Chi sự nghiệp** | | | | |
| a | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| b | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **2** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| a | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| b | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | | | | |
| **1** | **Lệ phí** | | | | |
| **2** | **Phí** | | | | |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **41.274.471.000** | **10.492.435.748** | **25,42** | |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | **41.274.471.000** | **10.492.435.748** | **25,42** | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | **11.379.093.000** | **3.261.873.417** | **28,67** | |
| 1.1 | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | 11.006.002.000 | 3.100.653.417 | **28,17** | |
| 1.2 | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 373.091.000 | 161.220.000 | **43,21** | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | **150.000.000** | | | |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ* | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ* | | | | |
| 2.2 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 2.3 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 150.000.000 | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo* | 150.000.000 | | | |
| | *- Nhiệm vụ chuyển đổi số* | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo** | | | | |
| 3.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 3.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | **2.592.000.000** | **330.358.300** | **12,75** | |
| 4.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 4.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 2.592.000.000 | 330.358.300 | **12,75** | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | **21.912.378.000** | **6.711.650.660** | **30,63** | |
| 5.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 5.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 21.912.378.000 | 6.711.650.660 | **30,63** | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | **2.041.000.000** | **1.263.971** | **0,06** | |
| 6.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 6.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 2.041.000.000 | 1.263.971 | **0,06** | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | **900.000.000** | **85.739.200** | **9,53** | |
| 7.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 7.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 900.000.000 | 85.739.200 | **9,53** | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | **250.000.000** | **28.450.200** | **11,38** | |
| 8.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 8.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 250.000.000 | 28.450.200 | **11,38** | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | **81.000.000** | | | |
| 9.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 9.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 81.000.000 | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | **115.000.000** | | | |
| 10.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 10.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 115.000.000 | | | |
| **11** | **Chi Quốc phòng** | **1.521.000.000** | | | |
| 11.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 11.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 1.521.000.000 | | | |
| **12** | **Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội** | **333.000.000** | **73.100.000** | **21,95** | |
| 12.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 12.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 333.000.000 | 73.100.000 | **21,95** | |
| **II** | **Nguồn vốn viện trợ** | | | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |
| **III** | **Nguồn vay nợ nước ngoài** | | | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Chi hoạt động kinh tế | | | | |
| 7 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | | | | |
| 8 | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin | | | | |
| 9 | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | | | | |
| 10 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | | | | |

*Ngày 06 tháng 4 năm 2026*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chữ ký, dấu)*

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN

**Trần Thị Thu Trang**